

LỬA: TỪ BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA ĐẾN BIỂU TƯỢNG NGÔN TỪ

ĐOÀN TIẾN LỰC

Tóm tắt

Từ vấn đề lí thuyết về biểu tượng, bài viết bước đầu làm rõ mối quan hệ cấp bậc giữa biểu tượng văn hóa và biểu tượng ngôn từ. Làm rõ bản chất của mối quan hệ cấp bậc này, chúng tôi muốn đem đến một cái nhìn rõ hơn về ý nghĩa một biểu tượng có vị trí quan trọng trong hệ biểu tượng của bất cứ nền văn hóa nào, bất cứ nền văn học nào trên thế giới – biểu tượng LỬA, trước hết là trong văn hóa Việt Nam, thơ ca Việt Nam.

Mỗi nền văn hóa đều được cấu thành bởi một tập hợp các hệ biểu tượng. Việc nghiên cứu các biểu tượng là chìa khóa để giải mã đời sống văn hóa, tinh thần của một cộng đồng. Nói như Jean Chevalier, tác giả cuốn *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, tìm hiểu biểu tượng là tìm ra “*chìa khóa của những con đường đẹp đẽ... Vượt qua cái dáng vẻ bên ngoài, ta thấy được những chân lý, niềm vui, những ý nghĩa ẩn kín và thiêng liêng của mọi điều trên mặt đất quuyền rũ và kinh khủng này*”. (1, tr.66)

Ngôn ngữ, đặc biệt ngôn ngữ văn học là “kho tàng” bảo lưu những giá trị văn hóa của một dân tộc. Do đó, nghiên cứu về biểu tượng, không thể không xem xét trong mối quan hệ với ngôn ngữ nghệ thuật, ngôn ngữ thơ ca. Giá trị thực sự của biểu tượng được xác lập không chỉ ở bình diện văn hóa nói chung trong đời sống cộng đồng mà còn định hình và biến đổi trong sự điều chỉnh, tiếp nhận của mỗi cá nhân, mỗi chủ thể.

Trong phạm vi của bài viết, dưới góc nhìn liên ngành VĂN HÓA – NGÔN NGỮ, chúng tôi cố gắng làm rõ phần nào ý nghĩa của biểu tượng LỬA, một biểu tượng được xem là *hình ảnh đẹp nhất của Chúa Trời, gần nhất với sự toàn hảo trong tất cả các hình ảnh của Người* (1, tr.548) ở hai cấp độ: biểu tượng văn hóa lửa và biểu tượng ngôn từ lửa. Phạm vi ngữ liệu khảo sát chủ yếu ở thể loại thơ ca.

1. Giải thích thuật ngữ

Biểu tượng (symbol) là một thuật ngữ được nhiều ngành khoa học sử dụng với những nội hàm khác nhau.

Khởi nguyên, biểu tượng là *một vật được cắt làm đôi*, mảnh sứ, gỗ hay kim loại. Hai người mỗi người giữ một phần (có thể là chủ và khách, người cho vay và kẻ đi vay, hai kẻ hành hương, hai người sắp chia tay nhau lâu dài...). Sau này, ráp hai mảnh lại với nhau, họ sẽ nhận ra mỗi thân tình xưa hoặc món nợ cũ, tình bạn ngày trước. Biểu tượng chia ra và lại kết lại với nhau như vậy nên nó chứa hai ý tưởng phân ly và tái hợp. Điều

này cũng có nghĩa mọi biểu tượng đều chứa đựng *dấu hiệu bị đập vỡ*; ý nghĩa của biểu tượng bộc lộ ra trong cái vừa là gãy vỡ, vừa là nối kết những phần của nó.

Sau này, khi khoa học về biểu tượng hình thành và phát triển, có rất nhiều quan điểm khác nhau đưa ra nhằm lí giải về ý nghĩa của biểu tượng và vai trò của nó trong đời sống con người. Một cách chung nhất, theo chúng tôi, có thể hiểu: *biểu tượng* là khái niệm dùng để chỉ một thực thể bao gồm hai mặt: mặt tồn tại cảm tính trong hiện thực khách quan hoặc trong sự tưởng tượng của con người (cái biểu trưng) và mặt ý nghĩa có mối quan hệ nội tại, tất yếu với mặt tồn tại cảm tính đó nhưng không bị rút gọn trong những đặc điểm bản thể của sự tồn tại này (cái được biểu đạt). Theo đó:

Biểu tượng văn hóa là những thực thể vật chất hoặc tinh thần (sự vật, hành động, ý niệm...) có khả năng biểu hiện những ý nghĩa rộng hơn chính hình thức cảm tính của nó, tồn tại trong một tập hợp hệ thống đặc trưng cho những nền văn hóa nhất định: nghi lễ, hành vi kiêng kỵ, thân linh, ... Biểu tượng văn hóa là sự tồn tại ở bình diện phổ quát các biểu tượng phi trực quan.

Biểu tượng ngôn từ là các biểu tượng nghệ thuật (biến thể loại hình của biểu tượng văn hóa) cấu tạo lại thông qua tín hiệu ngôn ngữ trong văn học.

Nhìn vào sơ đồ có thể thấy mối quan hệ giữa *biểu tượng văn hóa và biểu tượng ngôn từ* là mối quan hệ cấp bậc trong quá trình biểu tượng văn hóa đi sâu vào các lĩnh vực nghệ thuật để ở đó những ý nghĩa biểu tượng tiếp tục được lưu giữ và phát triển trở nên phong phú hơn. Cũng chính bởi điều này mà có hiện tượng gọi là sự biến đổi ý nghĩa của biểu tượng. Nghĩa là, dù có nguồn gốc từ các biểu tượng văn hóa, khi thức hiện chức năng thẩm mĩ trong một tác phẩm văn học, biểu tượng ngôn từ được cấu tạo lại, tổ chức lại trong mối quan hệ với các nhân tố của quá trình giao tiếp đặc biệt như một hoạt động sáng tạo. Các nhà văn, nhà thơ dựa trên những mối quan hệ hoặc bổ sung, hoặc tương phản, hoặc đăng cấu để tổ chức các tín hiệu thẩm mĩ hướng tới việc khắc hoạ nổi bật hình tượng nghệ thuật, cũng từ đó mà thể hiện một lối tư duy nghệ thuật riêng, một phong cách sáng tạo riêng. Và biểu tượng văn hóa lửa khi đi vào tác phẩm văn học cũng không nằm ngoài quy luật sáng tạo đó.

2. Biểu tượng văn hóa LỬA và biểu tượng ngôn từ LỬA

2.1. Biểu tượng văn hóa LỬA

Trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* của Jean Chevalier và Alain Gheerbrant, biểu tượng Lửa được giải thích với những ý nghĩa chính như sau:

* *Lửa - bản thể*: Ý nghĩa bản thể lửa trong văn hóa nhân loại được tri nhận và lí giải tương đối phong phú. Theo giáo thuyết Hindu, những dạng lửa của thế giới trần gian là:

lửa thông thường, lửa sấm sét và mặt trời. Ngoài ra còn có hai dạng lửa khác: lửa xuyên thấu (hoặc lửa hấp thụ) và lửa hủy diệt. Theo Kinh Dịch, lửa ứng với phương Nam, màu đỏ, mùa hè, trái tim...

**Lửa - thần thánh:* Ý nghĩa siêu nhiên của lửa trải rộng từ những linh hồn lang thang (ma trơi, đèn lồng Viên Đông) đến anh linh thần thánh (Brahma với lửa là một). Nhiều nền văn hóa trên thế giới coi lửa là một vị thần có sức mạnh siêu nhiên. Trong các tôn giáo Ariăng ở châu Á và Kitô giáo, lửa là vị thần sống và tư duy.

**Lửa - tẩy uế và tái sinh:* Ý nghĩa tẩy uế của biểu tượng lửa thường gắn liền với sự tái sinh. Theo một số truyền thuyết, chúa Ki tô (và các thánh) tái sinh cơ thể bằng cách đi qua lò lửa của xương rền. Những người theo Đạo giáo bước vào lửa để tự giải phóng khỏi thân phận mà con người phải chịu đựng. Họ bước vào lửa mà không bị thiêu cháy. Trong Popol-vul, hai Anh hùng song sinh, hai vị thần ngô, đã chết trên giàn thiêu bởi kẻ thù, không có gì để tự vệ rồi sau đó tái sinh, hóa thân thành những đợt ngô xanh. Các cổ thư của người Ailen nhắc đến ngày hội Beltaines. Vào ngày 1-5, khởi đầu mùa hè, các giáo sĩ đốt những đồng lửa cho gia súc đi qua đó để phòng ngừa các bệnh dịch.

**Lửa - hủy diệt:* Ý nghĩa hủy diệt của biểu tượng lửa thể hiện: nó làm tối và chết ngạt bởi khói; nó đốt cháy, tàn phá, thiêu hủy: lửa của những dục vọng, của sự trừng phạt, của chiến tranh. Và theo đó, lửa trong tay ma quỷ, trở thành công cụ của quỷ.

**Lửa- giác ngộ:* Lửa bên trong, lửa là tri thức xuyên suốt, là sự giác ngộ, là sự hủy bỏ cái vỏ bọc ngoài. Theo sự giải thích phân tâm học của Paul Diel, lửa mặt đất tượng trưng cho trí khôn, nghĩa là ý thức, với tất cả tính hai chiều đối nghịch của nó: ngọn lửa bốc lên trời thể hiện khí thế hướng tới sự thăng hoa tinh thần; ngọn lửa chao đảo biểu thị trí khôn, tinh thần sao nhãng.

**Lửa - phương tiện vận chuyển:* Một số nghi lễ hỏa táng có nguồn gốc ở sự chấp nhận lửa như là một phương tiện vận chuyển, hay là sứ giả, từ thế giới người sống sang thế giới người chết. Trong nghi lễ tang ma của nhiều dân tộc trên thế giới, người ta đặt phần thức ăn dành cho người chết vào đồng lửa trên đầu quan tài, ngọn lửa có nhiệm vụ chuyển đồ cúng đó cho người chết.

**Lửa - giới tính:* Ý nghĩa giới tính của lửa liên hệ một cách phổ biến với kỹ thuật đầu tiên thu được lửa do cọ xát bằng cách lui-tới, hình ảnh của hành động tính giao. Mircea Eliade nhận xét: Lửa thu được bằng cọ xát được như là kết quả (con cái) của sự chung đụng giới tính.

Phần trình bày trên có ý nghĩa tạo ra sự đối chiếu so sánh khi chúng tôi trình bày dưới đây về biểu tượng lửa trong đời sống văn hóa Việt. Nó sẽ cho thấy những nét chung và nét riêng, hay nói cách khác tính nhân loại và tính dân tộc của biểu tượng lửa, xét từ góc độ văn hóa.

Như bao con người tồn tại ở các vùng miền khác nhau trên trái đất này, con người Việt Nam cũng được hưởng nhiều ân huệ từ lửa. Người ta sống nhờ lửa (lửa làm chín thức ăn, lửa xua đi cái giá lạnh, lửa bảo vệ con người trước thú dữ ...). Người ta yêu bằng lửa - lửa tình, tình yêu quê hương đất nước, tình yêu trai gái. Và khi chết, con người ta cũng không thể thiếu lửa. Nhiều người Việt Nam sống cả đời chỉ chăm chút sao cho sau này chết đi có người *huong khói*. Trong phong tục tổ chức lễ tang của người Việt chúng ta thấy không thể không có lửa (lửa của nhang khói, lửa của đèn nến). Sự hiện diện của người thân yêu đã khuất trong mỗi mái ấm gia đình là bàn thờ. Những người còn sống thể hiện sự tưởng nhớ người đã khuất bằng việc thắp hương, không để “huong tàn khói lạnh”...Như thế, còn lửa là còn sự sống, còn tình yêu, khi đã “tắt lửa lòng” cũng là khi người ta đã tuyệt tình cạn nghĩa. Người ta thắp lửa là muốn thắp lên sự sống, và tất nhiên người thắp lửa bao giờ cũng rất được trân trọng. Theo GS. Trần Ngọc Thêm: truyền thống tinh thần Việt Nam coi trọng ngôi nhà, coi trọng cái bếp và dẫn đến coi trọng phụ nữ (7,tr.23). Sự coi trọng này không phải không liên quan đến vai trò “nồi lửa”, “thắp lửa” của người phụ nữ. Ngày nay, người ta vẫn nói đến vai trò “giữ lửa” của người phụ nữ trong gia đình như một vai trò quan trọng nhất.

Dưới đây, chúng tôi bước đầu chỉ ra một số ý nghĩa của biểu tượng lửa trong Văn hóa Việt Nam qua việc tìm hiểu lửa trong tín ngưỡng, trong đời sống sinh hoạt, trong sản xuất và trong đời sống tình cảm.

** Lửa trong đời sống tín ngưỡng người Việt Nam*

Cũng như nhiều dân tộc trên thế giới, người Việt Nam có tục thờ thần lửa (biểu hiện của *văn hóa sùng bái lửa*). Nói cách khác, *lửa là thần thánh, là lực lượng siêu nhiên*. Rất nhiều các dân tộc ở Việt Nam có tục thờ thần lửa mặc dù cách thức và mức độ thể hiện có khác nhau. Có những dân tộc thờ lửa quanh năm nhưng không có lễ cúng dành riêng cho thần lửa vào dịp tết, trong khi một số dân tộc khác thì lễ tết luôn gắn liền với nghi thức thờ thần lửa. Dân tộc Dao ở Hà Giang mở đầu cho ngày tết âm lịch của mình bằng nghi lễ cúng thần lửa. Người Pà Thẻn ở Tuyên Quang cũng có tục nhảy lửa vào tháng Giêng. Các dân tộc ở Tây Nguyên rất coi trọng vai trò của thần lửa, trước đây đã từng có vùng Hỏa Xá do vua lửa cai trị. Người Ca Dong thờ bếp thiêng ở trong buồng kín, bảo vệ cẩn mật, xem thần lửa như người chăm lo cho sự sống gia đình. Người Ê Đê và Mnông xem lửa là vị thần may mắn luôn bảo vệ con người. Dân tộc Kinh cũng thờ thần lửa. Người Kinh gọi thần lửa là ông Táo. Trong cổ ngữ Việt Mường, tiếng “táo” có nghĩa gốc là “tá”, dùng để chỉ các vị thần thuộc dòng lửa (như Tá Cần, Tá Cài...). Cứ mỗi dịp Tết đến, vào ngày 23 tháng Chạp, các gia đình người Việt lại làm lễ cúng ông Táo một cách thành kính. Phải nói, vua lửa có một vị trí rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt.

Trong đời sống tâm linh người Việt, *lửa còn có ý nghĩa như là cầu nối, là phương tiện vận chuyển* từ thế giới người sống sang thế giới người chết. Điều này được thể hiện rất rõ nét trong nghi thức dâng hương (thắp hương, đốt hương) của người Việt. Người

Việt tin rằng nén hương khi đốt lên (có lửa) như một nhịp cầu vô hình nối kết hai thế giới hữu hình và vô hình với nhau. Ngày giỗ, ngày tết, bàn thờ không thể không có lửa đèn, khói nhang. Chỉ khi thắp lửa đèn, khi dâng hương, người Việt mới khẩn vái, cầu mong gia tiên phù hộ độ trì, thành kính mời ông bà, ông vái về ăn cỗ cúng và tin rằng tấm lòng thành kính của người thắp hương sẽ quyện theo làn khói thơm hương về cõi thiêng liêng.

Cũng trong đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người Việt, lửa còn có sức mạnh xua đuổi tà khí - *lửa tẩy uế*. Ý nghĩa này thể hiện trong những phong tục như đốt vía, xua đuổi tà ma, ám khí. Người đi chợ gặp người mà họ cho là có vía xấu, họ châm lửa đốt giấy hoặc rơm rạ để “vía lành ở lại, vía dữ bay đi”. Người mới chuyển đến nơi ở mới thường đốt một đồng lửa to trong nhà để xua đuổi không khí lạnh lẽo cũng là tạo hơi ấm, khơi thắp lên sức sống mới cho ngôi nhà.

** Lửa trong đời sống sinh hoạt và trong lao động của người Việt*

Lửa đã được người tiền sử phát hiện ra cách đây nhiều nghìn năm. Sự phát hiện ra lửa và sử dụng lửa cho mục đích của cuộc sống được coi là một bước tiến quan trọng trong văn minh của loài người. Nhờ có lửa, con người dần biết ăn chín, uống sôi, biết dùng lửa để sưởi ấm, xua côn trùng, thú dữ... Cũng nhờ có lửa, con người biết đốt nóng kim loại để rèn, đúc dụng cụ, tăng năng suất lao động, phục vụ nhu cầu cuộc sống. Có thể nói: lửa có mặt trong mọi hoạt động của cuộc sống con người và trở thành một biểu tượng trong đời sống tinh thần của người dân. Nói đến lửa, người ta nghĩ đến ánh sáng, hơi ấm và sức nóng, sự đốt cháy...

Biểu hiện cụ thể của điều này là trong kho tàng “minh triết” của người Việt, khi đúc rút những kinh nghiệm sống, người Việt cũng mượn hình ảnh của lửa: *Cháy rừng bởi chung đóm lửa; Nước xa không cứu (được) lửa gần; Cau sấy già lửa cau giòn/Đàn bà già lửa lấm con ảm bông; Da hổ phải lửa thì co/Bánh dầy phải lửa thì to phồng phồng;...* Khái quát về những cách ứng xử tốt, xấu giữa con người với con người, người Việt cũng mượn lửa để diễn đạt: *Bốc lửa bỏ tay người; Ngậm lửa phun người; Chông giạn thì vợ bớt lời/Cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê;...*

** Lửa trong đời sống tình cảm của người Việt*

Từ những ý nghĩa thiết thực và vô cùng quan trọng của lửa trong cuộc sống sinh hoạt, trong lao động sản xuất, người Việt đã dùng hình ảnh và những đặc tính của lửa để nói về đời sống tình cảm. Trong đời sống tình cảm, người Việt mượn đặc tính dễ gây cháy gây bén của lửa để nói về quy luật của tình cảm con người: *Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén; rồi lửa như đối tượng để đem ra so sánh với tình yêu đôi lứa: Đôi ta như lửa mới nhen/Như trăng mới mọc, như đèn mới khêu; lửa và sức nóng của nó như chính những xúc cảm yêu thương khi nhớ nhung xa cách: Em về, anh có nhớ không?/Dạ em nóng nảy như xông vào lò; Nhớ ai bồi hồi bồi hồi/Như đứng đồng lửa như ngồi đồng than...; mượn ý nghĩa lửa thử vàng, người Việt cũng hay dùng hình ảnh lửa để ví von*

như một thứ đê thử tình cảm con người (mà họ coi như vàng): *Thật vàng chẳng phải thau đâu/Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng; Vàng mười vô lửa nào phai/Đêm nằm anh nghĩ coi ai bạn tình; Trai ngay vì Chúa/Gái ngay vì chồng/Nhờ ngọn lửa hồng/Tỏ lòng son sắt...*

Chưa phải là tất cả, nhưng những trường hợp dẫn ra ở trên phần nào cho thấy: biểu tượng lửa trong đời sống văn hóa Việt vừa mang những ý nghĩa chung của một biểu tượng trong văn hóa nhân loại vừa có những nét ý nghĩa in đậm dấu ấn riêng của đời sống văn hóa dân tộc.

2.2. Biểu tượng thơ ca lửa

Maud Bodkin cho rằng: Các biểu tượng văn hóa là “các mẫu gốc của thơ ca” (4, tr. 30). Và với nghệ thuật ngôn từ, ngôn ngữ chính là một hệ thống trung gian chuyển hoá các biểu tượng văn hóa sang biểu tượng văn học, tức là sự chuyển hoá các biểu tượng vào hệ thống từ ngữ, cú pháp của văn bản nghệ thuật.

Tiếng Việt có một trường từ vựng về lửa rất phong phú: từ ngữ chỉ dạng thức của lửa: *ngọn (ngọn lửa), ánh lửa, đám lửa, tia lửa...*; từ ngữ chỉ dạng thức cuối cùng của lửa: *tro bụi, than, tàn...*; từ ngữ chỉ hoạt động của lửa, hoạt động dùng lửa: *cháy, đốt, bén, bốc, bùng, lóe...*; từ ngữ chỉ hoạt động dùng lửa để tạo tác: *đun, nấu, nướng, thổi, nung, hun, sưởi...*; từ ngữ chỉ tác động, tác hại của lửa: *cháy, rát, rộp, bỏng, hóa (vàng)...*; từ ngữ chỉ tính chất, trạng thái của lửa: *đượm, to, rực, ngùn ngụt, bùng bùng, bập bùng, âm ỉ, leo lét, vạc, tắt, nóng, ấm, nguội, quá lửa, non lửa; lập lòe, le lói, chập chờn...*; v.v... Không phải là tất cả, nhưng khi được sử dụng vào trong thơ ca, hầu hết các từ trong hệ thống từ ngữ trên sẽ trở thành các *word – symbols* (từ - biểu tượng). Những từ - biểu tượng này không phải mang trong nó tất cả ý nghĩa của biểu tượng văn hoá (mẫu gốc) của một nền văn hoá mà tùy theo sự tri nhận, tùy theo tư duy nghệ thuật của người nghệ sĩ mà chúng được tổ chức, sắp xếp trong những sự kết hợp theo những quan hệ hoặc tương tác bổ sung hoặc tương phản để làm nổi bật hình tượng. Cũng theo đó mà chỉ một số ý nghĩa biểu tượng của mẫu gốc được hiện thực hoá ở các *word – symbols*. Chính điều này tạo một sự khác biệt có thể gọi là về cấp độ trong sự chuyển hoá của các mẫu gốc (biểu tượng văn hóa) thành các biểu tượng ngôn từ.

Qua khảo sát bước đầu, chúng tôi nhận thấy trong thơ ca, biểu tượng lửa có những ý nghĩa cơ bản như sau:

* *Lửa- nguồn tỏa ra ánh sáng, phát ra nhiệt*

Ý nghĩa này chính là đặc tính bản nguyên của lửa. Và bởi vậy, không khó để có thể tìm và dẫn ra những câu thơ viết về lửa như là biểu tượng của nguồn sáng, nguồn ấm trong thơ ca. Xin được dẫn ra những câu thơ trích trong bài thơ *Mấy đoạn thơ về lửa* của Lưu Quang Vũ – những câu thơ thể hiện một sự nhận thức và biểu hiện khá trọn vẹn về ý

nghĩa nguồn tỏa ra ánh sáng, phát ra nhiệt của lửa trong cuộc sống: *Hãy cho tôi chút lửa/Trong ngôi nhà mùa đông/Để tôi nướng sẵn ăn/Để tôi sưởi ấm/Để tôi đốt rùng gai đen rậm/Chống lũ rắn thiêu bầy muỗi độc/Để tôi soi tỏ mặt người yêu/Đôi mắt nhiều bóng tối/Giá buốt cào vàng trán sớm nhăn nheo/Lửa hãy cho em gương mặt sáng.*

** Lửa - sự sống*

Phát triển từ ý nghĩa của mẫu gốc lửa – mang đến hơi ấm, mang đến sự hồi sinh, biểu tượng lửa trong thơ ca cũng có ý nghĩa: lửa là sự sống, thấp lên lửa là thấp lên sự sống, thấp lên tình yêu, thấp lên niềm tin, sự lạc quan vào tương lai tương sáng. Sự phân tích sâu hơn bài thơ *Bếp lửa* của nhà thơ Bằng Việt sẽ làm rõ điều này.

Đọc bài thơ *Bếp lửa* ta dễ nhận ra lửa “cháy” từ đầu đến cuối. Ngay cả khi cuộc sống khó khăn “năm ấy là năm đói mòn đói mỏi” thì ngọn lửa vẫn luôn được ủ, được nhóm, dấu hiệu của lửa – khói hay cũng chính là dấu hiệu của sự sống vẫn *hun nhèm mắt cháu*. Và đến tận câu thơ cuối cùng của bài thơ, lửa vẫn xuất hiện trong câu hỏi – câu hỏi duy trì, câu hỏi khẳng định lửa vẫn cháy, lửa vẫn được bà nhóm lên - *Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?* Sự hiện diện không tắt của *lửa* trong bài thơ như minh chứng cho sức sống Việt Nam bền bỉ dù phải trải qua thăng trầm, biến cố, trải qua nhọc nhằn, dãi dầu nắng mưa.

Thêm một ví dụ, đó là trường hợp Nguyễn Quang Thiều với *Lửa đèn*. Trong *Lửa đèn*: Trong bài thơ, sức sống Việt Nam, nhịp sống Việt Nam vẫn luôn hiện diện như ngọn lửa đèn (*Nơi đêm ngày giặc điên cuồng bắn phá /Những ngọn đèn vẫn cứ thấp lên /Chiếc đèn chui vào ống nứa /Cho em thơ đi học ban đêm,/Chiếc đèn chui vào lòng trái núi /Cho xưởng máy thay ca với vợ, /Chiếc đèn chui vào chiếu vào chăn /Cho những tốp trai làng đọc lá thư thăm*).

** Lửa: trái tim*

Trong thơ ca, đặc biệt là thơ ca thời kì chiến tranh, không khó để chỉ ra một vài ví dụ về lửa với ý nghĩa *lửa là lửa trái tim, trái tim rực lửa*. Nét nghĩa này bắt nguồn từ ý nghĩa *lửa- bản thể* của biểu tượng văn hóa lửa (theo Kinh Dịch, lửa ứng với phương Nam, màu đỏ, mùa hè, trái tim).

Với Tố Hữu, lửa là trái tim, lửa có trong tim của người cộng sản tràn đầy nhiệt huyết yêu nước: *Anh đã chết. Anh chẳng còn thấy nữa/Lửa kêu lửa giữa miền Nam rực lửa/Như trái tim Anh, ôi lửa nào bằng!/Phút cuối cùng, chói lợi khối sao băng... (Nhớ lời Di chúc, theo chân Bác)*. Hay với Trần Nhuận Minh, lửa là con người Việt Nam trong chiến tranh: *Ánh sáng vùng hủy diệt.Thị xã bỗng bật lên/Bùng bùng hàng ngàn ngọn đuốc/Lôi ra khỏi bóng tối/Những bức tường vỡ toác, cháy thui/Những khung sắt cong queo in lên nền trời (Ánh sáng vùng hủy diệt)*.

** Lửa – ánh sáng của lí tưởng, của sự bừng tỉnh và giác ngộ*

Ý nghĩa giác ngộ và soi sáng của lửa ban đầu thường dùng trong những giáo lí nhà Phật. Đi vào cuộc sống, vào thơ ca, lửa và ánh sáng của nó còn được thể hiện như sự giác ngộ của người cộng sản trước ánh sáng của lí tưởng: *Emily con ơi/Trời sắp tối rồi.../Cha không thể bế con về được nữa/Khi đã sáng bùng lên ngọn lửa (Emily con!, Tố Hữu);* ánh sáng của lãnh tụ: *Ai hay ngọn lửa trong hang núi/Mà sáng muôn lòng, vạn kiếp sau;* hay ánh sáng của tình yêu thương thiêng liêng, cao cả: *Mẹ nằm dưới đất, hay chăng hỡi,/Xin sáng lòng con ngọn lửa thiêng (Nhớ lời Di chúc, theo chân Bác, Tố Hữu).*

** Lửa: tình cảm vợ chồng/ tình yêu nam-nữ*

Một trong những ý nghĩa của biểu tượng văn hóa lửa là *lửa biểu thị mối quan hệ chung đụng về giới tính*. Khi được tiếp nhận vào trong thơ ca, trở thành biểu tượng ngôn từ, lửa cũng được dùng nhiều với ý nghĩa biểu thị cho những sắc thái, cung bậc khác nhau của tình yêu đôi lứa, tình cảm vợ chồng.

Ý nghĩa *lửa thu được bằng cọ xát như là kết quả (con cái) của sự chung đụng giới tính*, được nhà thơ Trần Nhuận Minh sử dụng hơn một lần trong bài thơ “Đá cháy” của mình: *Mẹ đã sinh ra con như sinh một Ngọn Lửa/Một Ngọn Lửa làm sôi cơm trong bếp người lao động/Tỏa sáng ngọn đèn chai cho em bé đi trong đêm.* Và ở một chỗ khác trong bài thơ này, nhà thơ lại viết: *Anh chạm vào em/Đá chạm vào đá.../Từ em, những đốm lửa ra đời/Mang sức cháy của anh trong cốt tủy.* Không sáng tạo thêm, sử dụng nguyên nét nghĩa của nghĩa gốc biểu tượng vào thơ ca, Trần Nhuận Minh đã khắc tạo được ấn tượng sâu đậm ý nghĩa “phồn thực” của lửa: con cái là kết quả của sự chung đụng giới tính. Cũng qua đó, nhấn mạnh thiên chức của người phụ nữ - đấng sinh thành.

Lửa là nỗi buồn nhớ khôn nguôi. Trong truyện Kiều, diễn tả nỗi phiền muộn của Kim Trọng khi nghe tin đoạn trường của người *Chưa chung chăn gối cũng duyên vợ chồng*, Nguyễn Du viết: *Lửa phiền càng dập càng khô mối phiền Đễ rồi: Đau đời đoạn ngắt đời thôi/Tinh ra lại khóc khóc rồi lại mê;* hay là nỗi đau của Thúc Sinh khi trở lại sau bao tháng ngày xa cách nhớ nhung thì than ôi: *Tro than một đống nắng mưa bốn tường.* Và tưởng rằng người yêu đã cháy trong tro tàn, Thúc Sinh: *Tơ tình đứt ruột lửa phiền cháy gan.*

** Lửa: hủy diệt*

Trong nhiều bài thơ, những ấn tượng kinh hoàng, ám ảnh về tội ác của kẻ thù, về sức hủy diệt tàn khốc của chiến tranh được gợi từ những từ - biểu tượng lửa. Đó là hình ảnh quê hương khi giặc kéo đến trong bài thơ *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm: *Quê hương ta từ ngày khủng khiếp/Giặc kéo lên ngàn ngọn lửa hung tàn/Ruộng ta khô, nhà ta cháy/Chó ngộ một đàn/Lưỡi dài lê sắc máu...* Hay trong miêu tả của Nguyễn Quang Thiều: *Chúng nó đến từ bên kia biển/Rủ nhau bay như lũ ma trời/Chúng lao xuống nơi*

nao/Lóe ánh lửa/Gió thổi tắt đèn, bom rơi máu ứa. Và khi lửa trong tay kẻ ác, lửa là phương tiện của lũ ác độc, gây ra chết chóc thương tâm: Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn/Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ (Nguyễn Trãi); Rào thép gai giam em bé đỏ/Và quanh em lửa đỏ bùng bùng (Tố Hữu).

Tóm lại, biểu tượng văn hóa lửa và biểu tượng ngôn từ lửa, như đã trình bày, là hai cấp độ trong quá trình tư duy từ văn hóa đến nghệ thuật ngôn từ. Cụ thể, biểu tượng văn hóa lửa có vai trò như là cổ mẫu, mẫu gốc, là nguồn ý nghĩa mang đậm nét văn hóa dân tộc cho biểu tượng ngôn từ. Và khi đi vào nghệ thuật ngôn từ thơ ca, trở thành biểu tượng thơ ca, ý nghĩa của biểu tượng văn hóa lửa đã được làm phong phú hơn, giàu có hơn để rồi đến một lúc nào đó, những ý nghĩa của biểu tượng thơ ca lại hội nhập vào ý nghĩa của biểu tượng văn hóa, làm phong phú hơn ý nghĩa của biểu tượng văn hóa và cũng qua đó mà thể hiện sự tri nhận ngày một sâu sắc hơn về một biểu tượng trong đời sống văn hóa, văn học của dân tộc.

Các biểu tượng làm phát lộ những bí ẩn của vô thức, của hành động, khai mở trí tuệ về cái chưa biết và cái vô tận. Sự phân tích chưa thật đầy đủ ở trên về biểu tượng lửa ở hai cấp độ biểu tượng văn hóa và biểu tượng ngôn từ (chủ yếu ở ngôn ngữ thơ ca Việt), hi vọng phần nào đã làm “phát lộ” những ý nghĩa phong phú và sâu sắc của biểu tượng lửa trong văn hóa và trong thơ ca Việt.

Đ.T.L

Tài liệu tham khảo

1. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1969), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới* (bản dịch tiếng Việt của NXB Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du), NXB Đà Nẵng, 2002.
2. Nhiều tác giả, *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển học và Nxb Đà Nẵng, 2008.
3. Nguyễn Phan Cảnh, *Ngôn ngữ thơ*, Nxb ĐH & THCN, Hà Nội, 1987.
4. Nguyễn Thị Ngân Hoa, *Sự phát triển của ý nghĩa hệ biểu tượng trang phục trong ngôn ngữ thơ ca Việt Nam* (Luận án tiến sĩ Ngữ văn), 2005.
5. Nguyễn Thái Hòa, *Dẫn luận phong cách học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.
6. Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Ngân Hoa, *Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, H. 2003.